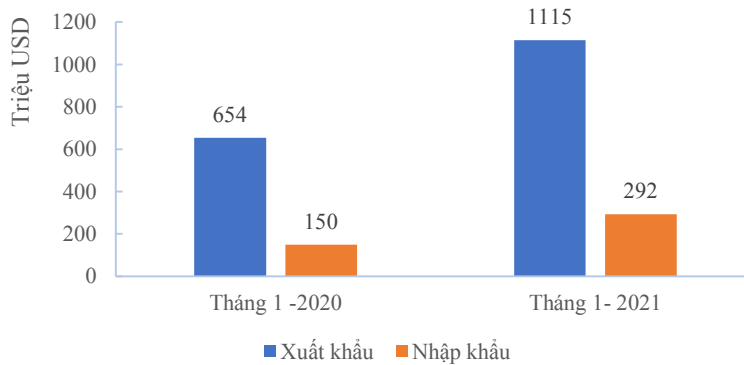


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HOA KỲ



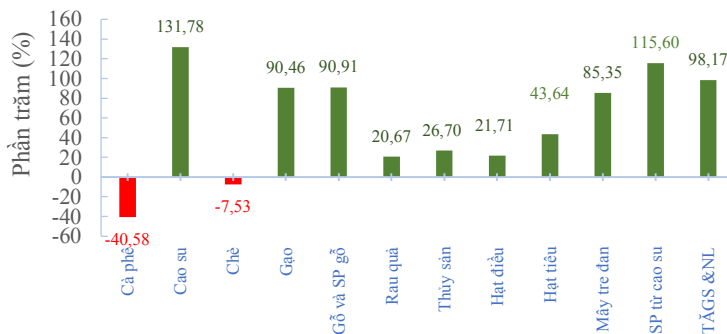
Xuất khẩu và nhập khẩu NLTS Việt Nam - Mỹ



So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – Hoa Kỳ T1 2021/2020)

- Xuất khẩu ▲ 70,6 %
- Nhập khẩu ▲ 95,4 %

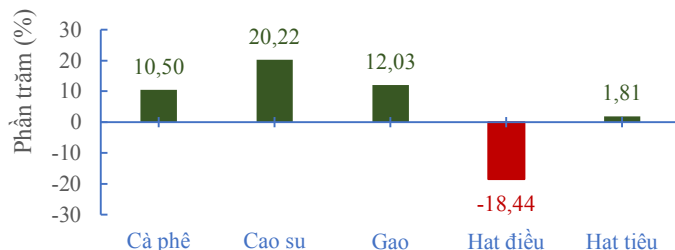
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Mỹ 11 tháng 1-2021/20



So sánh T1- 2021/2020

- Cà phê ▼ 40,58%
- Cao su ▲ 131,78%
- Chè ▼ 7,53%
- Gạo ▲ 90,46%
- Gỗ và SP Gỗ ▲ 90,91%
- Rau quả ▲ 20,67%
- Thủy sản ▲ 26,7%
- Hạt điều ▲ 21,71%
- Hạt tiêu ▲ 43,6%
- Mây tre đan ▲ 85,4%
- SP từ cao su ▲ 115,6 %
- TĂGS và NL ▲ 98,17%

Biến động giá xuất khẩu BQ T1/2021 - 2020



So sánh giá xuất khẩu BQ T1-2021/2020

- Cà phê ▲ 10,5%
- Cao su ▲ 20,2%
- Gạo ▲ 12,3%
- Hạt điều ▼ 18,44%
- Hạt tiêu ▲ 1,81%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Các dữ liệu cập nhật cho thấy nền kinh tế Hoa Kỳ đang hồi sinh trở lại với mức tăng trưởng quý I/2021 được dự đoán tăng tới 10%, đây là mức tăng trưởng cao nhất kể từ tháng 8/2018. Thu nhập cá nhân của người Mỹ đã tăng 10%, tương đương 1.950 tỷ USD nhờ gói kích thích kinh tế Covid-19 được thông qua hồi tháng 12/2020, mức tăng cao thứ hai kể từ khi dữ liệu được thu thập vào năm 1959. Bên cạnh đó, tổng tài sản các hộ gia đình tăng gần 2.000 tỷ USD trong tháng 1/2021, trong khi chi tiêu tăng 2,4%, tương đương 340,9 tỷ USD, nền kinh tế lớn nhất thế giới không chỉ đang phát triển mạnh mẽ mà xu hướng này sẽ còn tiếp diễn trong cả năm nay. Sau quý I/2021, sẽ có thể bước sang giai đoạn tăng trưởng, theo đánh giá của FED tăng trưởng GDP năm nay có thể là mức cao nhất trong nhiều thập kỷ.

Hoa Kỳ đang lo ngại các ảnh hưởng của lợn rừng đến nông nghiệp và hệ sinh thái nước này. Theo ước tính của APHIS thiệt hại hàng năm của lợn rừng đối với nền kinh tế nông nghiệp Hoa Kỳ là 1,5 tỷ USD, nhưng nhiều chuyên gia tin rằng con số thực tế còn cao hơn đáng kể. Ước tính số lợn rừng là khoảng 6,3 triệu con với tổng thể có thể từ 4 triệu đến 11 triệu.

Theo dữ liệu do USDA và Liên đoàn Xuất khẩu Thịt Hoa Kỳ (USMEF) công bố xuất khẩu thịt lợn của Mỹ đã phá kỷ lục vào năm 2020, chiếm gần 30% tổng sản lượng thịt lợn của Mỹ. Xuất khẩu tăng 11% về lượng và 11% về giá trị so với năm 2019. Trị giá xuất khẩu thịt lợn các loại năm 2020 đạt 7,7 tỷ USD, dự báo xuất khẩu thịt lợn năm 2021 sẽ giảm 2%.

Ngày 3/3/2021 Hoa Kỳ đã thông qua Đạo luật Hiện đại hóa Lực lượng Lao động Nông trại, HR 1537, đạo luật này tạo ra một giải pháp lực lượng lao động cho ngành nông nghiệp Hoa Kỳ bằng cách cung cấp sự ổn định, khả năng dự đoán và công bằng cho một trong những các ngành quan trọng của nền kinh tế quốc gia. Trong đó, có sửa đổi chương trình H-2A để cho phép một số lượng thị thực giới hạn cho công nhân làm việc quanh năm. Ngành công nghiệp thịt lợn của Mỹ đang thiếu hụt lao động trầm trọng, tác động tiêu cực đến các trang trại và nhà máy chế biến.

Ngày 18/2/2021, Hoa Kỳ đã đưa ra các dự báo mới nhất về xuất nhập khẩu nông sản. Theo đó, xuất khẩu nông sản của Hoa Kỳ trong năm tài chính (FY) 2021 được dự báo là 157,0 tỷ USD, tăng 5,0 tỷ USD so với dự báo tháng 11, nhờ dự báo xuất khẩu hạt có dầu và ngũ cốc cao hơn. Xuất khẩu đậu tương được dự báo sẽ tăng 1,1 tỷ USD lên

mức kỷ lục 27,4 tỷ USD do nhu cầu mạnh mẽ từ Trung Quốc và giá cao hơn. Xuất khẩu khô đậu tương dự kiến tăng 700 triệu USD, trong khi tổng xuất khẩu hạt có dầu và sản phẩm được dự báo ở mức kỷ lục 38,3 tỷ USD, tăng 2,0 tỷ USD so với dự báo trước đó. Xuất khẩu ngô dự kiến tăng 800 triệu USD, vì giá trị đơn vị cao hơn bù lại khối lượng thấp hơn một chút. Xuất khẩu lúa mì được dự báo là 6,9 tỷ USD, tăng 700 triệu USD, dựa trên giá trị đơn vị cao hơn. Xuất khẩu ngũ cốc và thức ăn chăn nuôi tổng thể được dự báo là 37,8 tỷ USD, cao hơn 2,2 tỷ USD so với dự báo tháng 11. Xuất khẩu bông được dự báo sẽ tăng 600 triệu USD do giá trị và khối lượng cao hơn. Xuất khẩu gia súc, sữa và gia cầm được dự báo sẽ tăng 300 triệu USD lên 32,6 tỷ USD, do mức tăng xuất khẩu sản phẩm thịt bò và gia cầm dự báo nhiều hơn sự giảm sút của các sản phẩm sữa. Xuất khẩu sản phẩm làm vườn được dự báo sẽ không thay đổi ở mức 34,5 tỷ USD. Xuất khẩu sang Trung Quốc tăng 4,5 tỷ USD so với dự báo tháng 11 lên mức kỷ lục 31,5 tỷ USD do các lô hàng trong quý đầu tiên tăng mạnh và doanh thu tăng mạnh, đáng chú ý nhất là ngô. Trung Quốc được dự báo sẽ vẫn là thị trường nông sản lớn nhất của Mỹ trong năm tài chính 2021, tiếp theo là Canada và Mexico.

Nhập khẩu nông sản của Hoa Kỳ trong năm tài chính 2021 được dự báo là 137,5 tỷ USD, tăng 500 triệu USD so với dự báo tháng 11, dẫn đầu bởi sự gia tăng nhập khẩu gia súc, sữa và gia cầm. Giá trị nhập khẩu trái cây tươi và chế biến không thay đổi so với dự báo của tháng 11 mặc dù dự báo khối lượng nhập khẩu nước trái cây giảm 200 nghìn tấn do xu hướng tăng giá nước trái cây. Nhập khẩu rau vẫn không thay đổi trong khi dự báo rau chế biến tăng 200 triệu USD, do khối lượng nhập khẩu dự kiến tăng 100 nghìn tấn, bù đắp cho mức giảm 200 triệu USD trong dự báo đối với các loại hạt nguyên hạt và chế biến dựa trên đà giảm xu hướng nhập khẩu các loại hạt kể từ mức cao gần đây trong năm tài chính 2019.

Nhập khẩu đường và các sản phẩm nhiệt đới của Hoa Kỳ được dự báo sẽ đạt 23,3 tỷ USD trong năm tài chính 2021, điều chỉnh tăng 100 triệu USD so với dự báo trước đó và cao hơn 300 triệu USD so với năm 2020. Nhập khẩu cao su thiên nhiên dự báo sẽ thấp hơn 100 triệu USD so với dự báo tháng 11 là 1,5 tỷ USD do giá trị nhập khẩu quý đầu tiên, thấp hơn dự kiến sau khi tăng trong quý cuối cùng của năm 2020. Nhập khẩu gia súc, sữa và gia cầm được tăng từ 500 triệu USD lên 18,3 tỷ USD chủ yếu nhờ nhu cầu phụ phẩm động vật tăng mạnh mẽ. Nhập khẩu của Hoa Kỳ đối với các sản phẩm phụ từ động vật như mỡ động vật không ăn được đang mở rộng khi các nhà sản xuất tìm kiếm nguyên liệu thô để hỗ trợ sản xuất nhiên liệu sinh học carbon thấp. Nhập khẩu gia súc và bê giảm \$ 100 triệu với khối lượng giảm nhẹ. Nhập khẩu sữa tăng 100 triệu USD do giá

trị đơn vị kỳ vọng cao hơn của một số sản phẩm. Thịt lợn, thịt bò và thịt gia cầm và các sản phẩm không đổi. Dự báo về tổng kim ngạch nhập khẩu hạt có dầu và các sản phẩm từ hạt có dầu vẫn giữ nguyên như dự báo tháng 11 là 9,4 tỷ USD. Giá trị nhập khẩu dầu thực vật được dự báo không thay đổi do giá trị nhập khẩu tăng bù đắp cho khối lượng nhập khẩu giảm. Dự báo nhập khẩu ngũ cốc và sản phẩm thức ăn chăn nuôi không thay đổi so với dự báo tháng 11 là 14,7 tỷ USD cho năm tài chính 2021.

Nhập khẩu của khu vực từ Tây Bán cầu được dự báo sẽ tăng 300 triệu USD so với dự báo trước đó lên 75,8 tỷ USD. Mexico dự kiến sẽ vẫn là nhà cung cấp nông sản lớn nhất cho Hoa Kỳ, đứng thứ hai là Canada và EU (bao gồm cả Vương quốc Anh) chỉ đứng nước lớn thứ ba. Doanh thu của Mexico được dự báo là 29,4 tỷ đô la, thấp hơn 100 triệu đô la so với dự báo của tháng 11, do nhập khẩu gia súc dự kiến giảm. Giá trị dự báo của các sản phẩm nông nghiệp Canada bán sang Hoa Kỳ được nâng cao 200 triệu đô la lên 24,7 tỷ USD do điều chỉnh tăng đối với nhập khẩu các sản phẩm thịt của Hoa Kỳ.

Nhập khẩu từ Nam Mỹ trong năm tài chính 2021 dự kiến sẽ tăng 200 triệu đô la so với dự báo tháng 11 lên 15,0 tỷ đô la. Nhập khẩu từ Brazil dự kiến sẽ tăng 200 triệu đô la từ dự báo trước đó do doanh số bán đường và chất ngọt dự kiến lớn hơn. Dự báo nhập khẩu từ Châu Đại Dương được tăng thêm 100 triệu USD so với dự báo trước đó lên 6,5 tỷ USD trong năm tài chính 2021 do nhập khẩu các sản phẩm thịt dự kiến sẽ tăng. Nhập khẩu từ châu Phi và Trung Đông dự kiến sẽ không thay đổi so với dự báo tháng 11 lần lượt là 3,0 tỷ USD và 1,6 tỷ USD.

Dự báo nhập khẩu từ châu Á không thay đổi so với dự báo trước đó là 24,2 tỷ USD trong năm tài chính 2021 do nhập khẩu rau từ Trung Quốc dự kiến tăng 100 triệu USD bù đắp cho việc nhập khẩu sản phẩm cao su tự nhiên từ Indonesia dự kiến giảm. Nhập khẩu nông sản từ Việt Nam không đổi so với trước đó ở mức 3,5 tỷ USD cho năm 2021.

Về tình hình xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ: Hoa Kỳ vẫn là đối tác chiến lược hàng đầu của Việt Nam trong xuất khẩu NLTS. Xuất khẩu NLTS Việt Nam sang Mỹ tháng 1/2021 tăng mạnh so với tháng trước đó và cùng kỳ, xuất khẩu đạt 1,11 tỷ USD, tăng 25% so với tháng 12/2020, và tăng 70,55% so với cùng kỳ tháng 1/2020. Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Mỹ là gỗ và sản phẩm gỗ (chiếm 74%), thủy sản (chiếm 10%), hạt điều (6%), mây tre đan (3%) các mặt hàng nông sản khác như cao su, cà phê... chiếm tỷ trọng không đáng kể dưới 2%. So với tháng trước, nhiều mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng, đặc biệt mây tre đan (+71%), sản phẩm từ cao su (+58%), gỗ và sản phẩm gỗ (+37%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (+34%), trong khi

đó một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm như cao su (-17%), chè (-42%), thủy sản (-8%), gạo (-7%). Tuy nhiên, so với cùng kỳ hầu hết các mặt hàng đều có kim ngạch xuất khẩu tăng, đặc biệt là sản phẩm từ cao su (+115%), gỗ và sản phẩm gỗ, gạo đều tăng ở mức 90%... (*chi tiết tại phụ lục*).

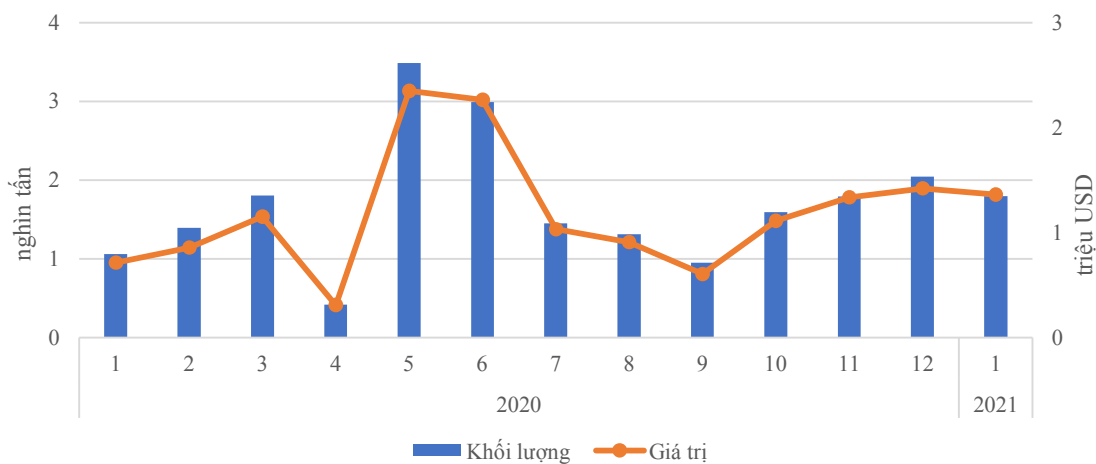
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 02/2021 của USDA, sản lượng gạo của Hoa Kỳ trong năm 2021 được dự báo sẽ đạt khoảng 7,23 triệu tấn, tăng khoảng 1,35 triệu tấn so với năm 2020. Nguyên nhân chính là do diện tích sản xuất năm nay có xu hướng tăng hơn so với năm ngoái. Mức nhập khẩu gạo năm 2021 của Hoa Kỳ dự báo đạt 1,2 nghìn tấn, giảm khoảng 0,01 nghìn tấn so với năm 2020.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 01/2021, Việt Nam xuất khẩu được 1,80 nghìn tấn gạo, trị giá 1,36 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, giảm 12,0% về khối lượng và 4,2% về giá trị so với tháng 12/2020, nhưng tăng 70,0% về khối lượng và 95,5% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ

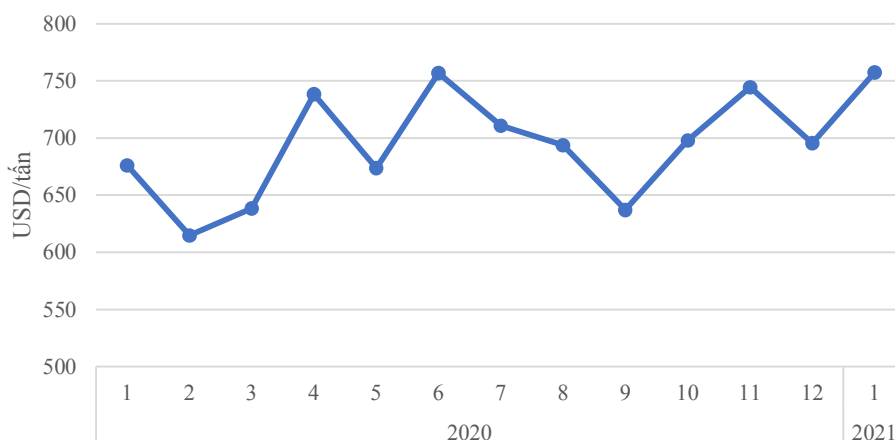


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 01/2021, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 1,4 nghìn tấn, trị giá 1,1 triệu USD (chiếm 78,6% về khối lượng và 82,7% về giá trị); so với tháng 01/2020, xuất khẩu gạo thơm sang Hoa Kỳ đã tăng 131,1% về khối lượng và 155,9% về giá trị. Đứng thứ hai là gạo trắng đạt 0,3 nghìn tấn, trị giá 0,2 triệu USD (chiếm 19,3% về khối lượng và 15,2% về giá trị); so với tháng 01/2020, xuất khẩu gạo trắng sang Hoa Kỳ đã tăng 3,6% về khối lượng và 36,7% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 01/2021 đạt 757,3 USD/tấn, tăng 8,9% so với tháng 12/2020 và 12,0% so với cùng kỳ năm 2020.

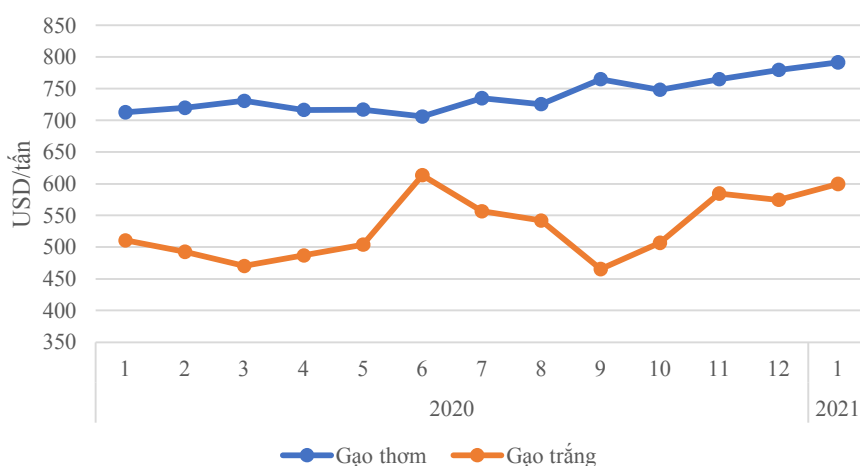
Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá các loại gạo chính xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đều có xu hướng tăng lên trong tháng. Cụ thể, giá xuất khẩu gạo thơm tháng 01/2021 đạt trung bình 791,6 USD/tấn, tăng 1,5% so với tháng 12/2020 và 11,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Còn giá gạo trắng đạt 600,0 USD/tấn, tăng 4,4% so với tháng trước nhưng tăng 17,5% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Ghi chú: Giá gạo trắng không bao gồm các loại gạo hữu cơ

Trong tháng 01/2021, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty CP Phước Đạt, Công ty TNHH Dương Vũ, và Chi nhánh Long An - Công ty

TNHH Highland Dragon. Ba công ty này chiếm lần lượt 64,7%, 10,4%, 10,3% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 01/2021. So với cùng kỳ năm 2020, Công ty CP Phước Đạt và Công ty TNHH Dương Vũ không xuất khẩu trong tháng 01/2020 nhưng có xuất khẩu trong tháng 01/2021, còn Chi nhánh Long An - Công ty TNHH Highland Dragon giảm 37,7%.

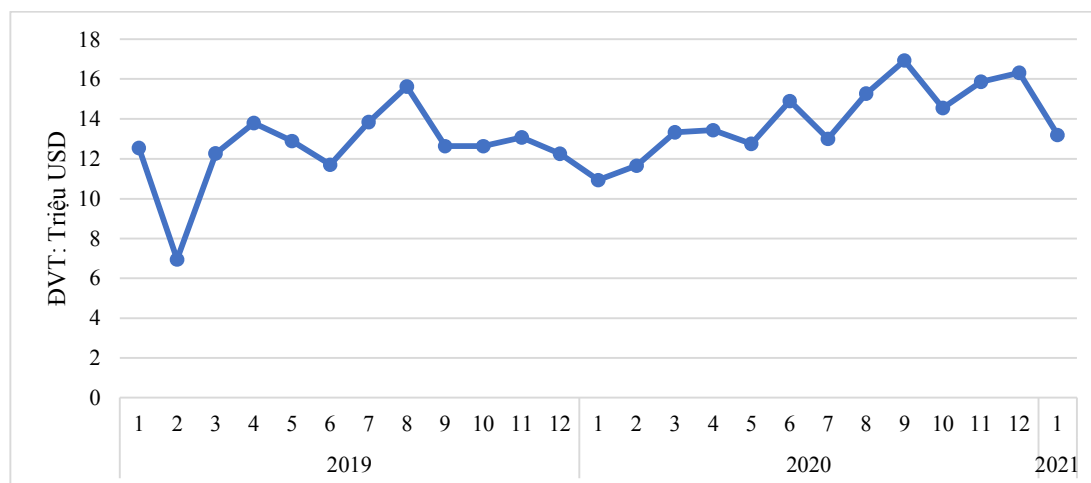
2. RAU QUẢ

Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), thị trường chanh thế giới năm 2020/2021 dự báo sẽ tiếp tục chịu tác động bởi dịch Covid-19. Tiêu thụ và xuất khẩu chanh thế giới niên vụ 2020/21 được dự báo sẽ tăng do nhu cầu tăng mạnh (nhu cầu của các hộ gia đình tăng mạnh át đi nhu cầu giảm sút trong lĩnh vực nhà hàng). Dịch Covid-19 đã đẩy nhu cầu chanh thế giới tăng lên để đáp ứng nhu cầu bổ sung vitamin C chống dịch của người tiêu dùng. Năm 2020, có thời điểm giá chanh tại Pháp tăng 300- 400% so với cùng kỳ năm trước đó, tại Ấn Độ, Kenya... cũng tăng khoảng 200%, tại Hoa Kỳ tăng khoảng 20%...

Trong khi đó, sản lượng chanh toàn cầu năm 2020/21 được USDA dự báo sẽ giảm nhẹ xuống 8,3 triệu tấn do sản lượng ở Argentina và Hoa Kỳ giảm, mặc dù sản lượng của Liên minh Châu Âu và Mexico tăng. Tại Hoa Kỳ, nước nhập khẩu chanh nhiều nhất thế giới, sản lượng năm 2020/21 dự báo giảm 6% xuống còn 940.000 tấn do sản lượng của California giảm. Trong khi đó, tiêu thụ dự báo sẽ tăng, nên Hoa Kỳ sẽ phải tăng cường nhập khẩu chanh.

Theo USDA, thu hoạch hạt dẻ cười toàn cầu cho năm 2020/21 tăng gần 40% lên mức kỷ lục 985.000 tấn khi vụ thu hoạch ở Hoa Kỳ và Thổ Nhĩ Kỳ bước vào năm đầu tiên của chu kỳ luân canh. Vụ hạt dẻ cười của Hoa Kỳ ước tính tăng 42% lên mức kỷ lục 476.000 tấn do sản lượng cao trong năm đầu tiên của chu kỳ và diện tích canh tác tăng. Xuất khẩu hạt dẻ cười của Hoa Kỳ dự kiến sẽ tăng gần 20% lên 225.000 tấn thông qua việc vận chuyển sang các thị trường chính là Trung Quốc và Liên minh châu Âu.

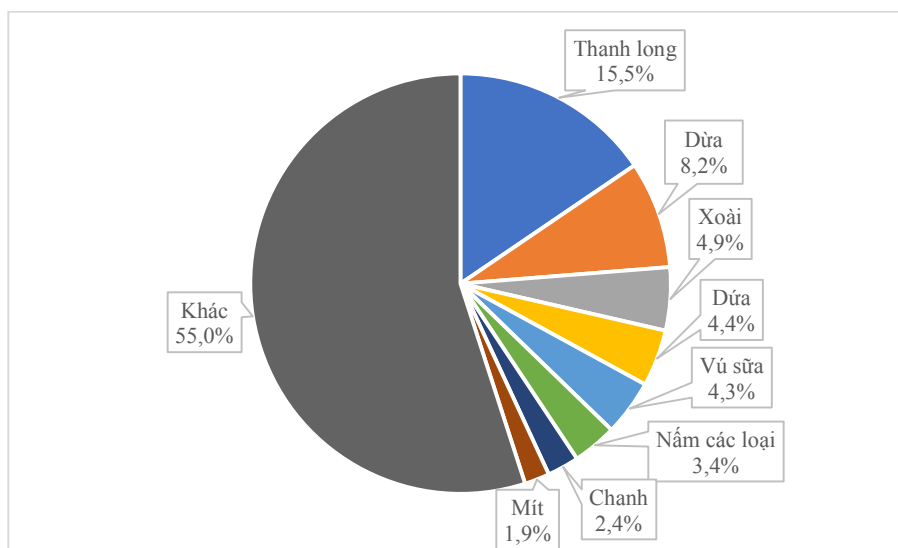
Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 1 năm 2021 đạt 13,2 triệu USD, chiếm 4,3% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, giảm 19,2% so với tháng trước (đạt 16,3 triệu USD) và tăng 20,7% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 10,9 triệu USD).

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 1 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 6,1 triệu USD (chiếm 46,3% thị phần, giảm 18,6% so với cùng kỳ năm 2019) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 7,1 triệu USD (chiếm 53,7% thị phần, tăng 106%), trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 2,6 triệu USD (tăng 122,1% so với cùng kỳ năm trước); (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 1,6 triệu USD (tăng 78,6%); (iii) trái cây ngâm, cô đặc, mút, dẻo (mã HS.2007) đạt 1,3 triệu USD (cao gấp 7 lần); (iv) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 739,1 nghìn USD (tăng 38,5%); ...

Trong tháng 1 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm thanh long đạt 2 triệu USD (chiếm 15,5% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 42,7% so với cùng kỳ năm 2019); dưa đạt 1,1 triệu USD (chiếm 8,2%, tăng 111,5%); xoài đạt 641,3 nghìn USD (chiếm 4,9%, giảm 25,6%); dứa đạt 576,5 nghìn USD (chiếm 4,4%, tăng 102,7%); vú sữa đạt 565,8 nghìn USD (chiếm 4,3%, tăng 16,4%); ...

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 1 năm 2021

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 11 năm 2021 đạt 37,5 triệu USD, chiếm 25,2% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, giảm 11,5% so với tháng trước (đạt 42,4 triệu USD) và tăng 22,3% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 30,7 triệu USD). Trong tháng 1/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là táo đạt 16,1 triệu USD (chiếm 43%, tăng 56,1% so với cùng kỳ năm 2019); hạnh nhân đạt 7 triệu USD (chiếm 18,7%, tăng 26,3%); óc chó đạt 4,7 triệu USD (chiếm 12,6%, tăng 419,1%); hạt dẻ cười đạt 3,2 triệu USD (chiếm 8,4%, giảm 64,3%); khoai tây đạt 2,4 triệu USD (chiếm 6,3%, tăng 78%); ...

Trong tháng 1/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II, Công ty TNHH Thực phẩm Yergat và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ánh Dương Sao với tỷ trọng xuất khẩu lần lượt là 15%; 5,7% và 5%. So sánh với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II tăng 364,1% , Công ty TNHH Thực phẩm Yergat tăng 437,9%. Trong khi Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ánh Dương Sao không xuất khẩu trong tháng 1/2020 nhưng đã đẩy mạnh xuất khẩu trong tháng 1/2021.

3. CÀ PHÊ

Starbucks, chuỗi kinh doanh cà phê hàng đầu thế giới có trụ sở tại Hoa Kỳ đã công bố thu nhập ròng 622,2 triệu USD cho quý 1 của năm tài chính 2021, giai đoạn ba tháng kết thúc vào ngày 27 tháng 12 năm 2020, giảm 29,7% so với quý năm trước. Starbucks cho biết đây là quý tài chính đầu tiên của họ phản ánh sự phục hồi tiếp tục từ ảnh hưởng của đại dịch, gần như tất cả các cửa hàng do công ty điều hành và được cấp phép đã mở cửa trở lại sau khi bị đóng cửa vì đại dịch. Phân khúc Châu Hoa Kỳ của Starbucks bao gồm các cửa hàng ở Hoa Kỳ, Canada và Châu Hoa Kỳ Latinh, chiếm khoảng 70% tổng doanh thu mảng kinh doanh của công ty, đạt doanh thu ròng 4,7 tỷ USD trong quý 1 năm 2021, giảm 6,1% so với quý trước. Phân khúc Quốc tế hoạt động ở Trung Quốc, Nhật Bản, Châu Á Thái Bình Dương, Châu Âu, Trung Đông và Châu Phi chiếm gần 25% tổng doanh thu của phân khúc đạt 1,7 tỷ USD doanh thu thuần trong Q1 / 2021, tăng 5,3% so với quý trước.

Theo báo cáo hàng năm mới nhất của nhóm nghiên cứu thị trường cà phê Allegra World Coffee Portal, đại dịch COVID-19 đã xóa sổ gần một phần tư tổng giá trị thị trường quán cà phê của Hoa Kỳ, ước tính phân khúc cửa hàng cà phê ở Hoa Kỳ trị giá khoảng 36 tỷ USD vào năm 2021, giảm 24% trong 12 tháng qua với doanh thu giảm 11,5 tỷ USD. Lần đầu tiên trong lịch sử hiện đại, số lượng quán cà phê cũng giảm ròng trong 12 tháng qua, với thị trường giảm 208 quán (0,6%), còn 37.189 cửa hàng.

Kết quả nghiên cứu của Allegra từ 100 cuộc phỏng vấn với các nhà lãnh đạo trong ngành, nghiên cứu thực địa, nghiên cứu tại bàn và hơn 5.000 cuộc khảo sát trực tuyến với người tiêu dùng Hoa Kỳ cho thấy các nhà điều hành quán cà phê có một tâm lý tiêu cực đáng kể về môi trường kinh doanh hiện tại. Các nhà điều hành cửa hàng cà phê ước tính mức lỗ trung bình là 32.500 USD mỗi cửa hàng mỗi tháng, trong khi chỉ 38% báo cáo giao dịch hiện tại là khả quan, giảm so với 65% năm ngoái.

Theo khảo sát, các địa điểm của Starbucks và Dunkin 'chiếm 66% tổng số cửa hàng cà phê của Hoa Kỳ theo số lượng cửa hàng, đại dịch COVID-19 đã làm tăng sự ưa thích của người tiêu dùng đối với các địa điểm Drive-thru (dịch vụ mà khách hàng có thể mua trực tiếp ngay trên xe của mình) và tăng cường tích hợp kỹ thuật số, đi ngược lại với khái niệm cổ xưa về các quán cà phê là không gian tụ họp cộng đồng, hay “địa điểm thứ ba”. 45% người tiêu dùng Hoa Kỳ được World Coffee Portal khảo

sát cho biết họ sẽ thường xuyên đặt đồ uống để được giao hàng nếu có sẵn tùy chọn. Giao hàng nhanh hơn, phí thấp hơn và bao bì chống tràn là ba lĩnh vực hàng đầu mà người tiêu dùng đề nghị cải thiện.

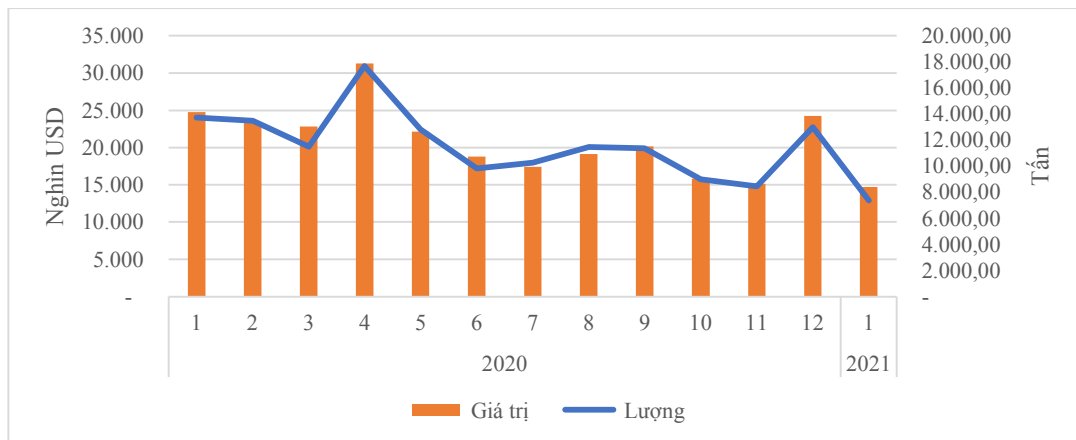
Với triển vọng tiêm chủng COVID-19 trên diện rộng và sự ổn định chính trị trở lại dưới thời chính quyền Biden, ước tính rằng phân khúc quán cà phê ở Hoa Kỳ được dự báo sẽ trở lại mức doanh số trước đại dịch vào năm 2023, trong khi 65% các nhà lãnh đạo ngành cà phê được khảo sát chỉ ra rằng họ tin rằng doanh số bán hàng sẽ cải thiện trong 12 tháng tới

Về xu hướng tiêu thụ cà phê tại Hoa Kỳ, theo cuộc khảo sát gần đây của NCA, Bất chấp đại dịch COVID-19, cà phê vẫn tiếp tục là thức uống ưa thích của người Hoa Kỳ. Đại dịch không làm thay đổi lượng cà phê mà người Hoa Kỳ uống (gần 3 cốc mỗi ngày cho mỗi người uống cà phê) hay tần suất (cứ 10 người Hoa Kỳ thì có 6 người uống cà phê mỗi ngày). Cũng giống như trước đại dịch, đại đa số người uống cà phê (khoảng 80%) uống cà phê tại nhà, nhưng hơn một phần ba bỏ qua việc ghé thăm các quán cà phê. Hơn một nửa số người Hoa Kỳ đã quay lại quán cà phê hoặc dự định làm như vậy trong những tháng tới.

Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu cà phê xuất khẩu cà phê lớn thứ 4 của Việt Nam, chiếm khoảng 7,5% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang các nước.

Xuất khẩu cà phê của của Việt Nam trong tháng 1/2021 giảm mạnh so với tháng 12/2020. Trong tháng 01/2021, Việt Nam xuất khẩu 7,3 nghìn tấn cà phê sang Hoa Kỳ, giá trị 14,7 triệu USD, giảm 46,2% về khối lượng và giảm 30,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. So với tháng 12/2020, xuất khẩu giảm 43.2% về khối lượng và giảm 39,3% về giá trị.

Hình 6. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ

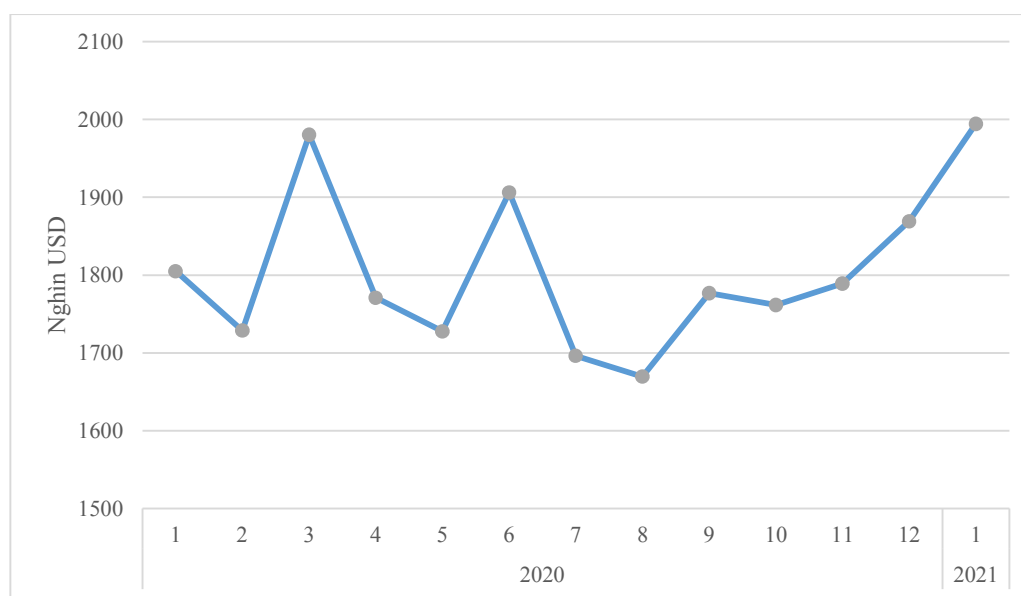


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 1/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ là 1.994 USD/tấn, tăng 6,7% so với tháng 12/2020 và tăng 10,5% so với tháng 1/2019. Giá cà phê tăng một phần do chi phí tăng cao trong thời gian qua. Chi phí vận tải đường biển bằng container trên toàn cầu đang tăng lên mức kỷ lục do nhu cầu đột biến các tuyến đi Hoa Kỳ, tình trạng thiếu container rỗng cũng xuất hiện và sự thay đổi tuyến đường vận chuyển, trong khi vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không vẫn chưa được khai thông do dịch Covid-19. Các hãng vận tải đã công bố Mức tăng cước chung (GRI) cho hàng hóa từ Châu Á đến Hoa Kỳ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 3 năm 2021. Theo khảo sát của Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam, hiện có đến 40% DN cho biết gặp khó khăn trong việc giao nhận container rỗng tại các nơi tập kết container và khi chủ hàng đến nhận mới được thông báo là chưa có. 43% DN cho biết là do bộ phận đặt chỗ với hãng tàu cho thuê container rỗng vượt số lượng cho phép và 17% do bộ phận kinh doanh chưa tiếp cận thuê container rỗng được từ hãng tàu.

Dự báo giá cà phê sẽ tiếp tục xu hướng tăng khi nhu cầu tiêu dùng tại nhà vẫn còn rất lớn và có thể còn kéo dài trong thời gian tới.

Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ

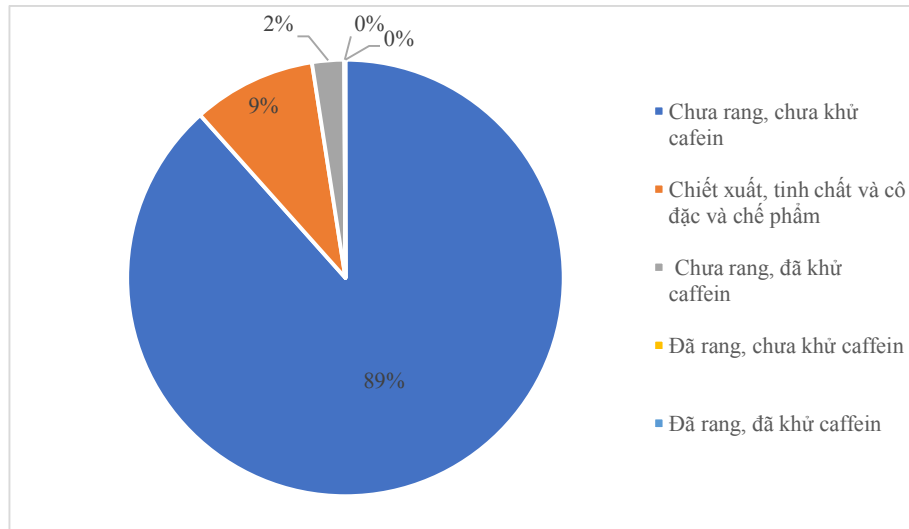


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, cà phê nhân thô chưa rang, chưa khử caffein (mã HS 090111) tháng 01/2020 chiếm tỷ trọng 77,6%, giá trị 11 triệu USD, giảm 42% so tháng trước, giảm 41,8% so với cùng kỳ. Cà phê chưa rang, đã khử caffein (mã HS 090112) đạt 352 nghìn USD, giảm 62% so tháng trước, giảm 72% so cùng kỳ. Trong khi đó, cà phê đã rang, chưa khử caffein (mã HS 090121) tăng 11% so với tháng trước

và tăng 582% so với cùng kỳ năm 2020 đạt 397 nghìn USD. Trong khi đó, xuất khẩu cà phê hòa tan và tinh chất (mã HS 2101) sang thị trường Hoa Kỳ tháng 01/2021 đạt kim ngạch 2,5 triệu USD, giảm 23% so với tháng trước tuy nhiên vẫn cao hơn 78% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 8: Cơ cấu sản phẩm, cà phê xuất khẩu sang Hoa Kỳ tháng 01/2021



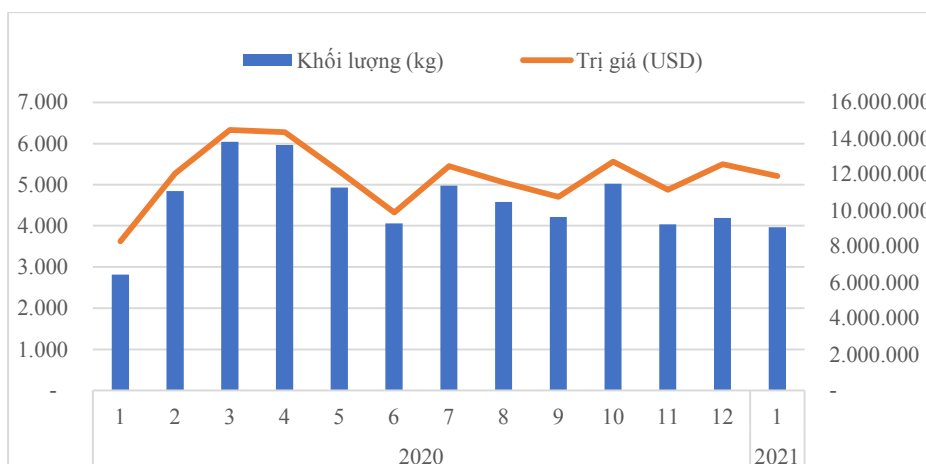
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 01/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là: Công ty TNHH Cà phê Ngon, Công ty CP TM cà phê Quang Minh và Công ty TNHH sản xuất và thương mại Cát Quế với thị phần lần lượt là: 13,9%; 12,45% và 11,13%.

4. HỒ TIÊU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 1/2021, Việt Nam xuất khẩu được 3.963 tấn hồ tiêu với trị giá 11.896.834 USD sang thị trường Hoa Kỳ, giảm 5,42% về khối lượng và giảm 5,37% về giá trị so với tháng 12/2020, tăng 41,08% về khối lượng và tăng 43,64% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Nhìn chung khối lượng và kim ngạch sang thị trường này có xu hướng giảm kể từ thời điểm cao nhất vào tháng 3/2020..

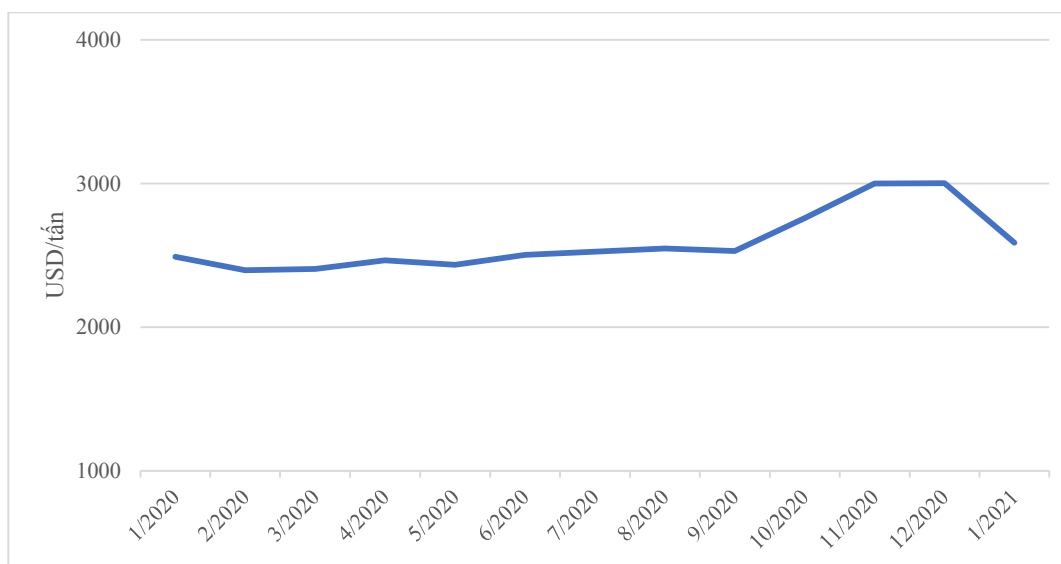
Hình 9. Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ, 2019-2020



Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Trong tháng 1/2021, hạt tiêu đen chưa xay vẫn là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt kim ngạch 6.421.331 USD (chiếm 53,98% về tổng giá trị tiêu xuất khẩu sang thị trường này) giảm không đáng kể 0,35% so với tháng 12/2020 và nhưng tăng 45,42% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ hai về kim ngạch trong tháng 1/2021 vẫn là hạt tiêu đen đã xay, chiếm 38,53%, giảm 2,75% so với tháng 12/2020 và tăng 95,4% so với cùng kỳ năm trước. Tiêu trắng đã xay và chưa xay chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ chưa tới 6% cơ cấu xuất khẩu vào thị trường này trong tháng 1/2021.

Giá xuất khẩu hồ tiêu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 1/2021 giảm đáng kể, xuống mức 2.587 USD/tấn, giảm 13,82% so với tháng 12/2020 và tăng nhẹ 3,93% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 10. Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hoa Kỳ

Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Trong tháng 1/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty TNHH Chế biến Gia vị Nedspice Việt Nam, Chi nhánh Long Bình của Công ty TNHH Olam Việt Nam và Công ty TNHH Hương Gia vị Sơn Hà, lần lượt chiếm 20,63%, 20,46% và 14,58% tổng kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 1/2021. So với tháng 12/2020, chỉ có Công ty TNHH Chế biến Gia vị Nedspice Việt Nam có tăng trưởng rất lớn về kim ngạch, tăng 78,37%, 2 công ty Chi nhánh Long Bình của Công ty TNHH Olam Việt Nam và Công ty TNHH Hương Gia vị Sơn Hà đều giảm ở mức lần lượt là 23,2% và 7,86%, tuy nhiên, so với cùng kỳ năm trước đó, cả 3 công ty này đều có tăng trưởng, đáng chú ý nhất là Công ty TNHH Hương Gia vị Sơn Hà với mức tăng 59,99%.

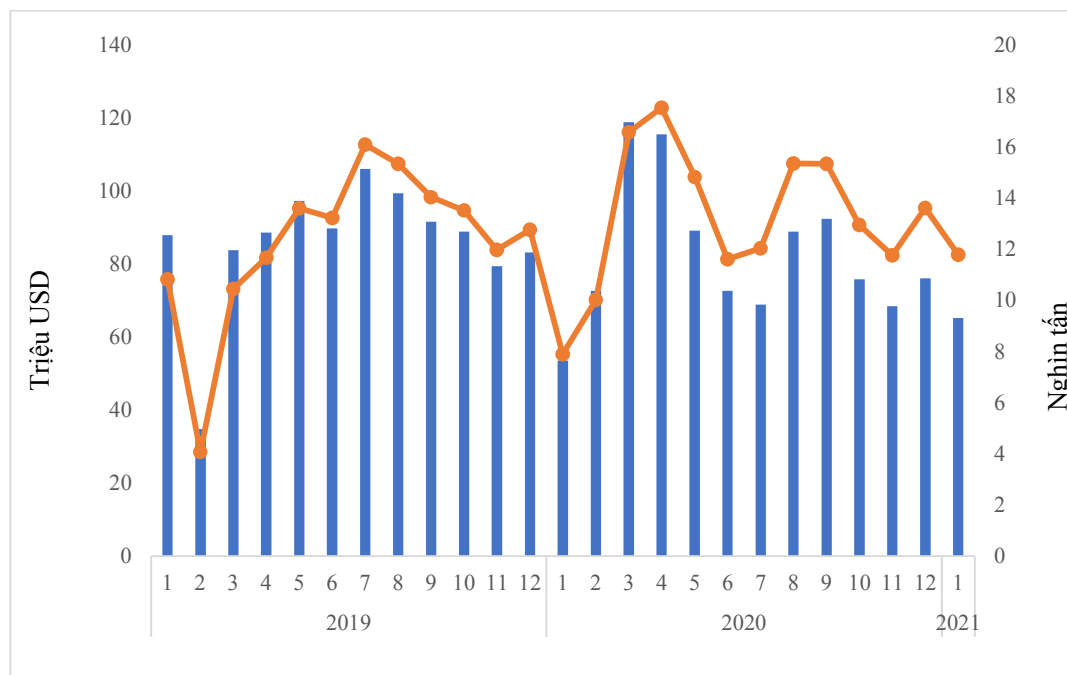
5. HẠT ĐIỀU

Theo số liệu thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, nhập khẩu hạt điều của nước này trong năm 2020 đạt 167,1 nghìn tấn, trị giá 1,08 tỷ USD, tăng 7,9% về lượng, nhưng giảm 8,5% về trị giá so với năm 2019. Giá nhập khẩu bình quân hạt điều của Hoa Kỳ năm 2020 đạt mức 6.477 USD/tấn, giảm 15,2% so với năm 2019. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân hạt điều của Hoa Kỳ giảm ở hầu hết các thị trường cung cấp. Năm 2020, Hoa Kỳ tăng nhập khẩu hạt điều từ các thị trường: Việt Nam, Mô-dăm-bích, Ni-giê-ri-a, Ta-da-ni-a. Số liệu thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc

té Hoa Kỳ cho biết, nhập khẩu hạt điều của nước này từ Việt Nam trong năm 2020 đạt 149,27 nghìn tấn, trị giá 963,13 triệu USD, tăng 12,5% về lượng, nhưng giảm 4,2% về trị giá so với năm 2019. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ chiếm 89,3% trong năm 2020, cao hơn so với 85,6% năm 2019. Ngược lại, nhập khẩu hạt điều của Hoa Kỳ từ Bra-xin trong năm 2020 đạt 4,51 nghìn tấn, trị giá 30,17 triệu USD, giảm 25,6% về lượng và giảm 37,5% về trị giá so với năm 2019. Thị phần hạt điều của Bra-xin trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ chiếm 2,7% trong năm 2020, thấp hơn so với 3,91% trong năm 2019.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 1/2021, Việt Nam xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ đạt 11,79 nghìn tấn, trị giá 65 triệu USD, giảm 13,4% về khối lượng và 14,2% về giá trị so với tháng 12/2020, và tăng 49,2% về khối lượng và tăng 21,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020..

Hình 11: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ

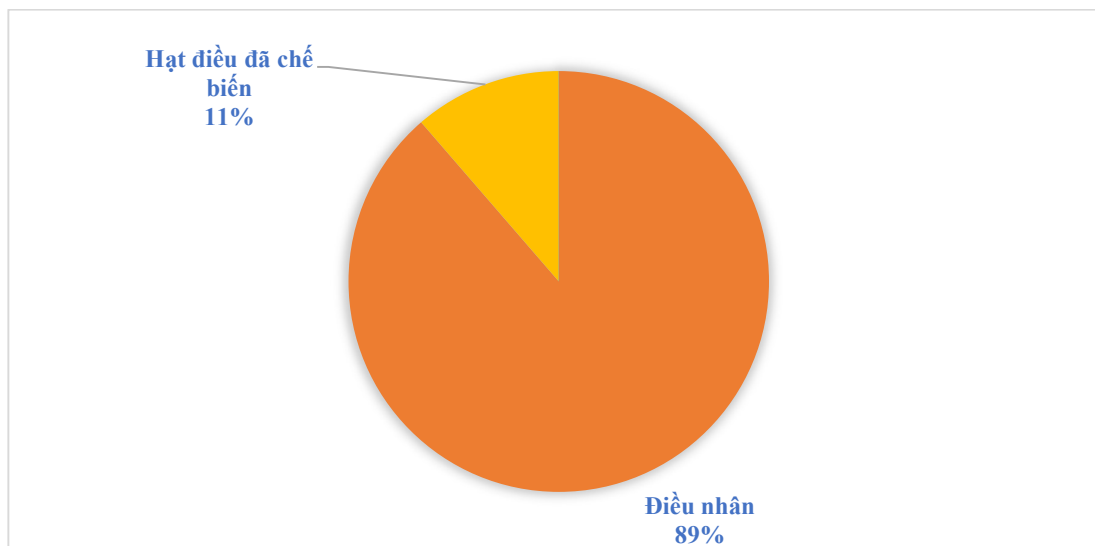


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Hoa Kỳ là thị trường lớn nhất của xuất khẩu điều Việt Nam trong tháng 1/2021, chiếm 30% tổng khối lượng điều xuất khẩu trong tháng 1 và 28% về tổng giá trị

Sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường này khá đa dạng bao gồm các sản phẩm như điều nhân, điều rang, điều chưa bóc vỏ, điều đã chế biến. Tuy nhiên, điều nhân vẫn là sản phẩm xuất khẩu chủ yếu, chiếm tới 88,7%, đạt 57,79%; hạt điều đã chế biến đạt 7,39 triệu USD, chiếm 11,3%

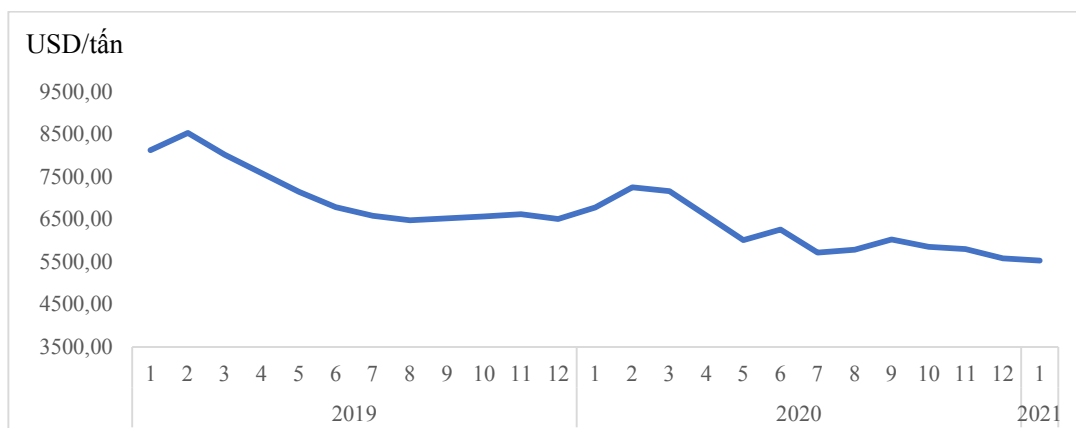
Hình 12: Cơ cấu sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 1/2021



Nguồn: Tổng cục Hải Quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Trung Quốc vẫn tiếp tục có xu hướng giảm trong tháng nat. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân tháng 1/2021 đạt 5.530,23 USD/tấn, giảm 1% so với tháng 12/2020, và giảm 18,4% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 13: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ



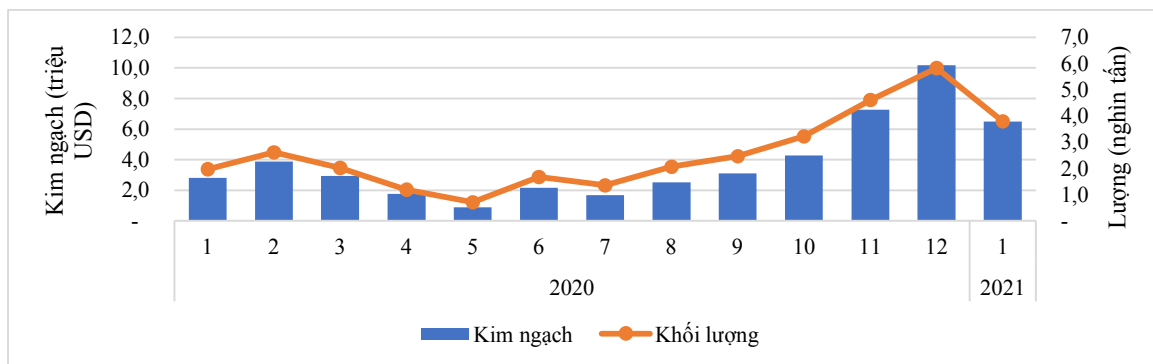
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 1/2021, 3 công ty xuất khẩu điều lớn nhất sang thị trường này bao gồm: Công ty TNHH OLAM Việt Nam đạt 5,7 triệu USD, chiếm 8,75%; Công ty TNHH xuất nhập khẩu nông sản Minh Loan đạt 4,07 triệu USD, chiếm 6,24% và Công ty TNHH Red River Foods Việt Nam đạt 3,45 triệu USD, chiếm 5,30%.

6. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 01/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 3,8 nghìn tấn với trị giá 6,5 triệu USD, giảm 34,8% về khối lượng và 36,2% về giá trị so với tháng trước, tuy nhiên tăng 92,8% về khối lượng và 131,8% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

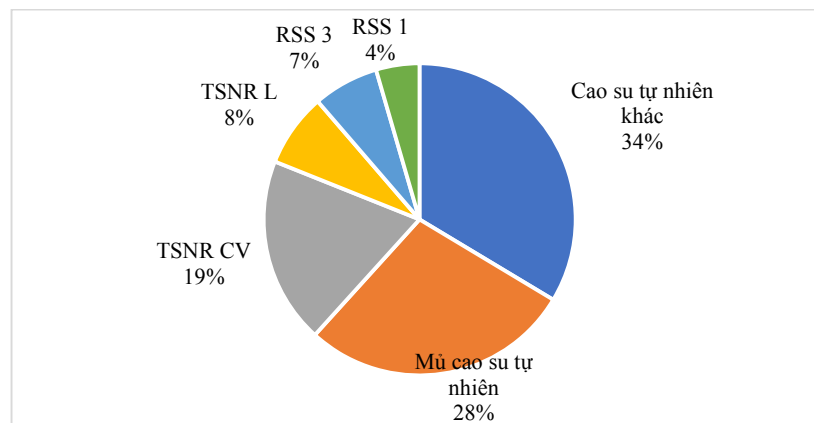
Hình 14: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 01/2021, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 2,0 triệu USD, chiếm 33,6% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cao su tự nhiên đã định chuẩn về kỹ thuật TSNR CV với kim ngạch 1,3 triệu USD, chiếm 19,4% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR L và tấm cao su xông khói RSS 3, chiếm lần lượt 7,6% và 6,8% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

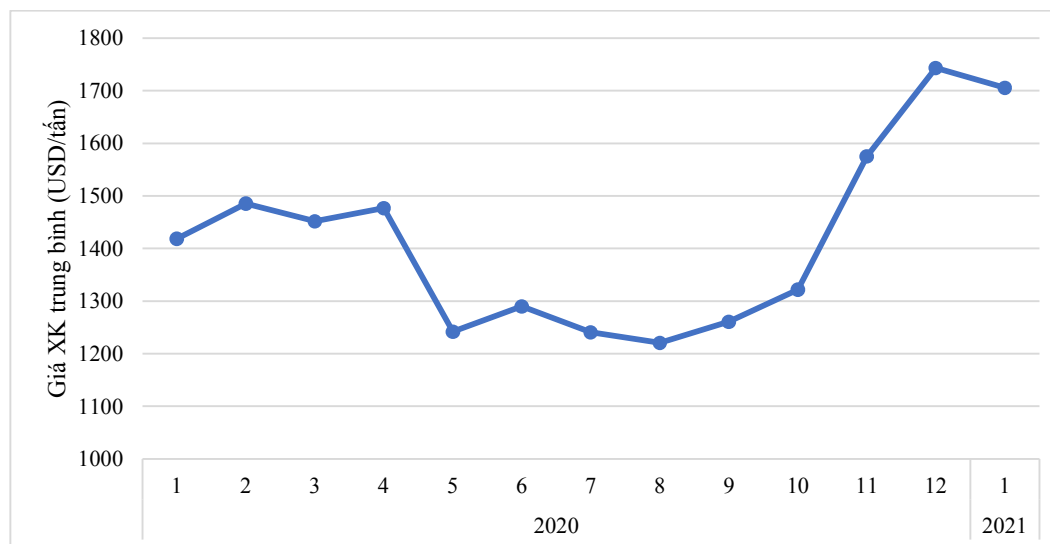
Hình 15: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 01/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su tự nhiên xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ có xu hướng giảm nhẹ vào thời điểm đầu năm đạt mức 1.706 USD/tấn trong tháng 01/2021 giảm 2,2% so với tháng trước, nhưng tăng 20,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 16: Giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 01/2021, top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi, Công ty TNHH Cửu Lâm và Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Việt Nam. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 23,8%, 12,2% và 9,1% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 01/2021.

7. THỦY SẢN

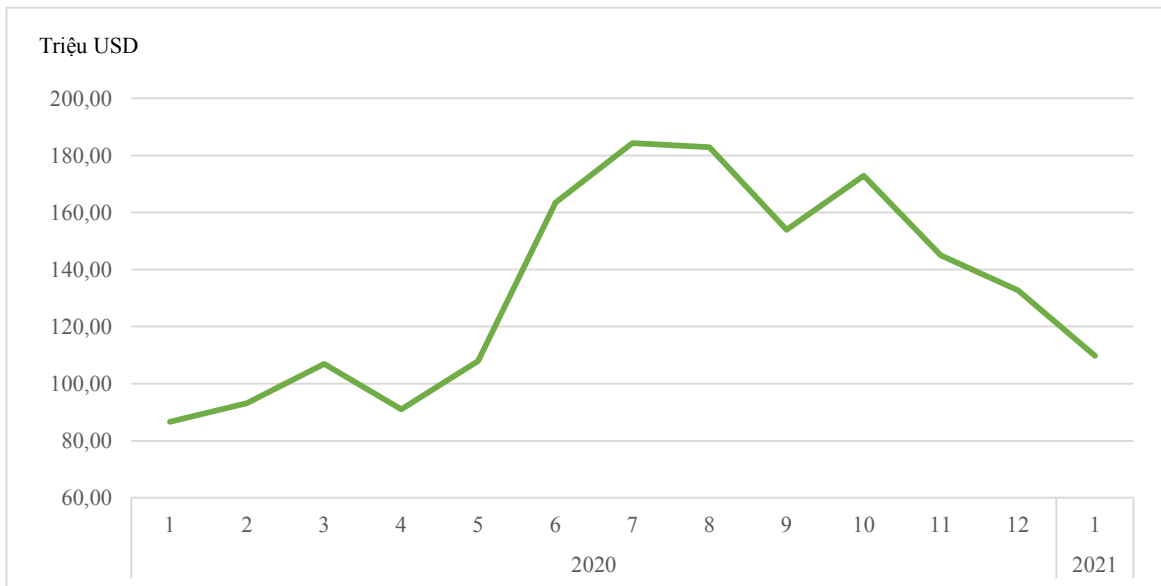
Năm 2020, doanh thu tiêu thụ hàng thủy sản đông lạnh của Hoa Kỳ tăng 35% so với năm 2019, lên 7 tỷ USD; doanh thu bán lẻ hàng tươi sống tăng 24,5%, lên 6,7 tỷ USD và hàng bảo quản tăng 20,3%, lên 2,9 tỷ USD. Trong đó, doanh thu tôm đông lạnh tăng 48%, lên 2 tỷ USD; doanh thu tôm hấp chín tăng 25%, lên 1,8 tỷ USD. Doanh thu bán cá tươi tăng 22%, thủy sản có vỏ tăng 24,6% và doanh thu bán hải sản khác tăng 18%. 10 loài hải sản tươi sống bán chạy nhất lần lượt gồm: cá hồi salmon, cua, tôm, tôm hùm, cá da trơn, cá rô phi, cá tuyết, sò điệp, cá ngừ và cá hồi trout.

Theo số liệu thương mại do Cơ quan Quản lý Khí quyển và Đại dương Quốc gia Hoa Kỳ, trong năm 2020 Mỹ đã xuất khẩu gần 1,3 triệu tấn thủy sản trị giá 4,5 tỷ USD, thấp hơn 17% cả về khối lượng và giá trị so với 1,5 triệu tấn và 5,4 tỷ USD xuất

khẩu trong năm 2019. Năm 2020, Mỹ nhập khẩu 2,9 triệu tấn thủy sản trị giá 21,9 tỷ USD, tăng 3% về lượng và giảm 2% về giá trị so với năm 2019. Các nhà cung cấp thủy sản hàng đầu của Mỹ là Canada, với giá trị XK thủy sản 3,0 tỷ USD, Ấn Độ (2,5 tỷ USD), Chile (2,2 tỷ USD), Indonesia (2,1 tỷ USD) và Trung Quốc (1,7 tỷ USD).

Hoa Kỳ là thị trường đứng thứ hai sau Nhật Bản về tiêu thụ thủy sản Việt Nam trong tháng đầu năm 2021. Theo tổng cục hải quan, giá trị xuất khẩu thủy sản đạt 109,83 triệu USD, chiếm 17,97% tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam, tăng 26,7% so với cùng kỳ năm 2020. Tuy nhiên, xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đang có xu hướng giảm trong 4 tháng gần đây, so với tháng 12/2020 giá trị xuất khẩu giảm tới 17,3%. Cá da trơn là mặt hàng thủy sản lớn nhất xuất khẩu sang thị trường này chiếm 26,5%, tôm chiếm 23,8% và cá ngừ chiếm 12,6%.

Hình 17: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Mỹ



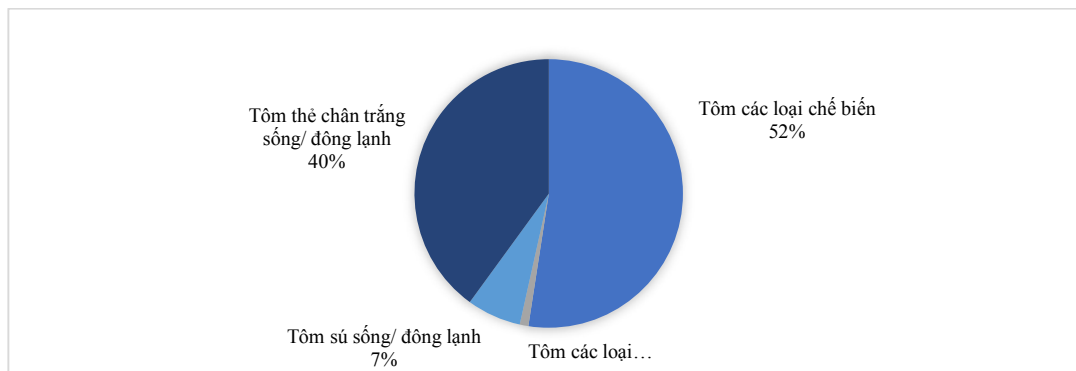
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Mặt hàng cá da trơn, giá trị xuất khẩu tháng 1 năm 2021 đạt 29,09 triệu USD, tăng 60,7% so với cùng kỳ năm trước và tăng 2,9% so với tháng 12/2020. Cá da trơn xuất khẩu sang thị trường này phần lớn là cá tra chiếm tới 99,9%. Cụ thể, cá tra phi lê đạt 28,70 triệu USD, chiếm 98,7% tổng giá trị cá tra xuất khẩu, tăng 61,3% so với cùng kỳ năm 2020; cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê đạt 0,37 triệu USD, chiếm 1,3%, tăng 75,8%; Cá tra da trơn khác sống/đông lạnh trừ phi lê đạt 0,02 triệu USD, chiếm 0,1%, giảm 83,7%.

Mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tháng 1 năm 2021 đạt 26,15 triệu USD, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước và giảm 29,2% so với tháng 12/2020. Trong đó, tôm các loại chế biến đạt 13,71 triệu USD, chiếm 52,4% tổng giá trị tôm xuất khẩu, tăng

49,1% so với tháng 1/2020. Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 10,46 triệu USD, chiếm 40%, giảm 8,3%; Tôm sú sống/đông lạnh đạt 1,71 triệu USD, chiếm 6,5%, giảm 45,6%; tôm các loại khác sống/đông lạnh đạt 0,27 triệu, chiếm 1%, giảm 48,8%.

Hình 18: Cơ cấu xuất khẩu cá ngừ sang thị trường Mỹ tháng 11/2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hoa kỳ như sau: Cá ngừ đạt 13,85 triệu USD, giảm 1%; Cá rô phi đạt 0,33 triệu USD, tăng 75,1%; Mực và bạch tuộc đạt 1,06 triệu USD, tăng 7,8%; Cua – ghẹ đạt 5,33 triệu USD, tăng 74,6%; Các loại thủy sản khác đạt 34,02 triệu USD, tăng 35,3% so với cùng kỳ 2019.

Giá xuất khẩu cá da trơn tháng 12/2020 đạt trung bình 4,14USD/kg, giảm 1,9% so với cùng kỳ năm 2019. Cá ngừ đạt 9,37 USD/kg, giảm 15,5%; Cua, ghẹ đạt 15,85 USD/kg, giảm 12,5%; Tôm đạt 9,28 USD/kg, giảm 6,5%; Mực và bạch tuộc đạt 15,84 USD/kg tăng 72,5%.

Bảng 1: Giá một số mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang thị trường Mỹ

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	4,14	-1,9%	22,8%
2	Cá ngừ	9,37	-15,5%	-5,6%
3	Cua, ghẹ	15,81	-12,5%	18,8%
4	Mực và bạch tuộc	15,84	72,5%	19,2%
5	Tôm	9,28	-6,5%	-9,8%

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Tháng 1 năm 2021, Top 3 công ty có giá trị xuất khẩu lớn sang thị trường Mỹ là: Công ty cổ phần thủy sản Sóc Trăng đạt 14,73 triệu USD, chiếm 13,4% tổng kim

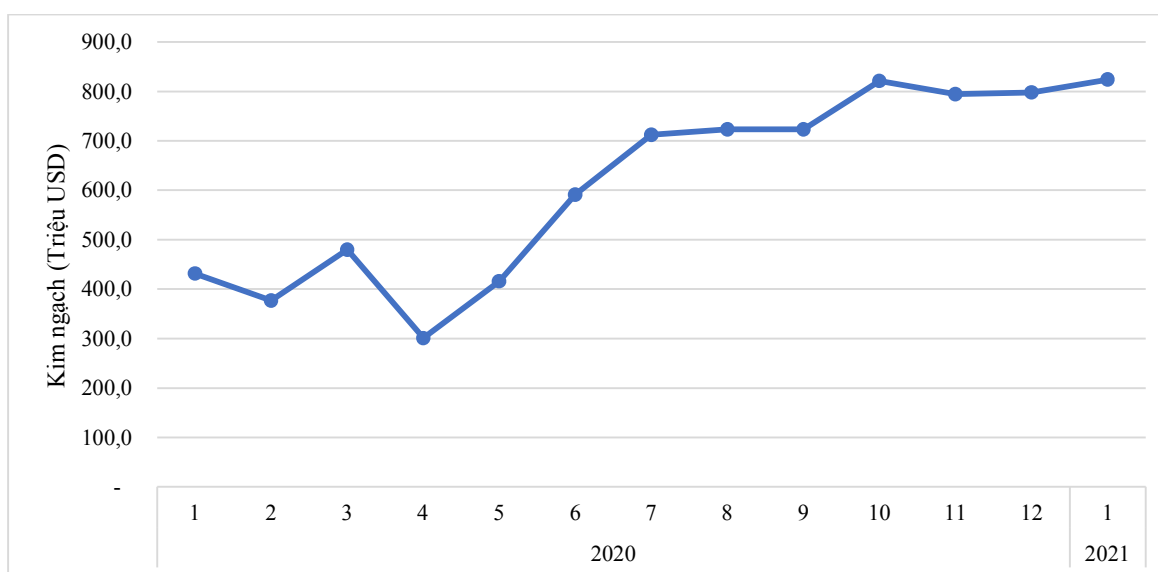
ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông đạt 11,28 triệu USD, chiếm 10,3%; Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn đạt 10,32 triệu USD chiếm 9,4%.

8. GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Theo ITTO, nhập khẩu đồ gỗ nội thất của Hoa Kỳ trong tháng 12/2020 đã tăng tháng thứ 7 liên tiếp. Lũy kế cả năm 2020, nhập khẩu đồ gỗ nội thất của Hoa Kỳ đạt hơn 18,9 tỷ USD, tăng 2,0% so với cùng kỳ 2019. Trong khi kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc đã giảm 31,0%, nhập khẩu đồ gỗ nội thất của Hoa Kỳ từ Việt Nam tăng 32% so với 2019. Nhập khẩu đồ gỗ nội thất của Hoa Kỳ từ Malaysia và Indonesia cũng ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể so với cùng kỳ 2019.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 01/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 823,8 triệu USD, tăng 3,2% so với tháng 12/2020 và tăng mạnh 90,9% so với cùng kỳ tháng 01/2020.

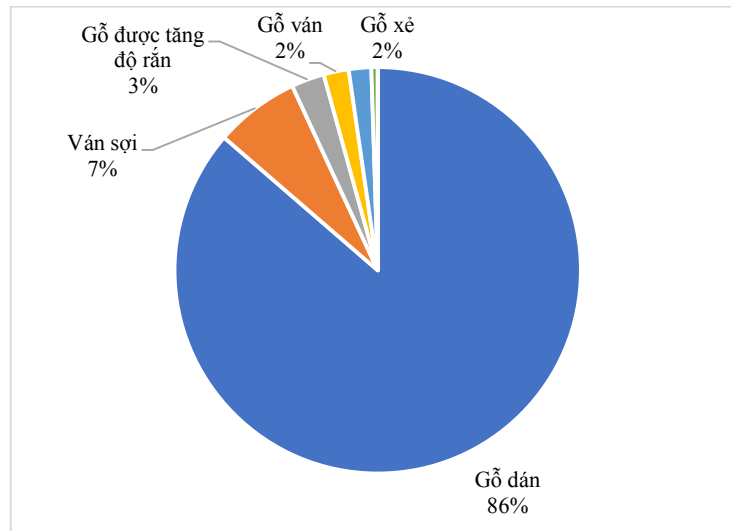
Hình 19: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 01/2021, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 27,0 triệu USD, chiếm 86,3% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là ván sợi với kim ngạch 2,1 triệu USD, chiếm 6,8% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ được tăng độ rắn và gỗ ván, chiếm lần lượt 2,6% và 2,0% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình 20: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 01/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 01/2021, top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty TNHH JUNMA Phú Thọ, Công ty TNHH EAGLE INDUSTRIES và Công ty TNHH MTV Gỗ Khang Đạt. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 16,5%, 7,4% và 7,3% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 01/2021.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

USDA cho rằng trong năm 2021 Hoa Kỳ sẽ nhập khẩu ít gạo hơn do nguồn cung nội địa tăng, cũng như việc gia tăng nhập khẩu nhằm dự trữ trong bối cảnh dịch Covid-19 trong thời gian qua. Thái Lan và Ấn Độ vẫn là nguồn nhập khẩu chính của Hoa Kỳ với hai loại gạo chính là gạo thơm và gạo Basmati. Hiện Pakistan cũng đang cố gắng tăng cường xuất khẩu gạo Basmati sang Hoa Kỳ và trực tiếp cạnh tranh với Ấn Độ. Còn ở phân khúc gạo thơm, Việt Nam vẫn tương đối yếu thế so với Thái Lan.

Trong tháng 02/2021, bang Texas đã diễn ra tình trạng mất điện và thiếu nước cục bộ trong gần một tuần khi khối không khí lạnh vùng cực kéo tới vào hồi giữa tháng. Đây là đợt giá rét lịch sử với lượng tuyết rơi và nhiệt độ thấp kỷ lục. Trong bối cảnh mất điện và nước như trên, việc tiêu thụ gạo tại khu vực này ước đoán đã sụt giảm nhẹ, nguyên nhân chính là do nấu cơm đều cần cả hai tài nguyên này, trong khi cơm lại khó để lâu dự trữ và phân phát như bánh mì, bánh quy...

2. Rau quả

Dịch Covid-19 diễn biến khó lường đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động xuất khẩu rau quả của Việt Nam, đặc biệt là khó khăn về việc thay đổi thị hiếu do thay đổi thói quen của người tiêu dùng và việc siết chặt các thủ tục nhập khẩu siết phòng chống sự lây lan của dịch bệnh. Do đó, doanh nghiệp xuất khẩu rau quả cần tăng cường giám sát chất lượng hàng hoá, tránh vi phạm quy định của các nước về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, kiểm nghiệm kiểm dịch, an toàn thực phẩm để quá trình thông quan không bị ảnh hưởng.

3. Cà phê

Hiệp hội Cà phê Xanh cho thấy tồn kho cà phê nhân tháng 1 của Hoa Kỳ giảm -12,4% xuống còn 5,84 triệu bao. Nhu cầu cà phê của Hoa Kỳ dự báo cải thiện khi đại dịch Covid ở Hoa Kỳ dịu bớt cho phép nhiều nhà hàng và quán cà phê mở cửa trở lại. Tuy nhiên, xuất khẩu cà phê có thể gặp khó khi cước vận chuyển sang Hoa Kỳ đồng loạt tăng lên từ ngày 01/3/2021. Điều này sẽ đẩy giá cà phê tăng thêm trong bối cảnh sản lượng cà phê toàn cầu và Việt Nam đang có xu hướng giảm như hiện nay.

4. Hồ tiêu

Hoa Kỳ vẫn là thị trường nhập khẩu lớn thứ 2 của hồ tiêu thế giới (chỉ sau Trung Quốc) và Việt Nam vẫn chiếm thị phần cao nhất (24,3%) trong cơ cấu các quốc gia xuất khẩu hồ tiêu vào thị trường này tính đến hết tháng 12/2020. Xét trên tổng

kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng hồ tiêu của Việt Nam ra thế giới trong tháng 1/2021, kim ngạch xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ vẫn chiếm tỷ lệ cao nhất với 28,64%. Tuy nhiên, hiện Hoa Kỳ vẫn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn do làn sóng Covid thứ 3 gây ra và mùa lễ hội đã đi qua nên nhu cầu tiêu thụ hạt tiêu của Hoa Kỳ trong tháng này đang có xu hướng đi xuống cả về khối lượng, kim ngạch và giá xuất khẩu. Dự báo xuất khẩu tiêu sang Hoa Kỳ trong ngắn hạn sẽ trầm lắng.

5. Điều

Theo VINACAS, xuất khẩu điều những tháng đầu năm 2021 vẫn tiếp tục gặp khó khăn do dịch Covid và vấn đề vận chuyển mang lại. Chính vì vậy các doanh nghiệp cần chủ động trong các hợp đồng vận chuyển, chủ động chuỗi cung ứng trong sản xuất để có thể nâng cao chất lượng và cung cấp được đủ số lượng hàng cho đối tác khi thị trường sôi động trở lại.

6. Cao su

Trong những tháng tới, nhu cầu cao su của Hoa Kỳ có thể sẽ hồi phục khi các nhà đầu tư kỳ vọng vào gói kích thích kinh tế mới sẽ giúp nền kinh tế hồi phục; thị trường cũng được hỗ trợ bởi nhu cầu mù tự nhiên của các nhà máy tăng mạnh do nhu cầu sử dụng thiết bị y tế tăng cao trong đại dịch.

7. Thủy sản

Với các tác động tích cực từ vacxin Covid 19 mang lại, dự đoán tiêu thụ thủy sản của Hoa Kỳ sẽ tiếp tục tăng trong năm 2021. Nguyên nhân, khi tỷ lệ tiêm chủng Covid-19 tăng lên, ngày càng nhiều người Hoa Kỳ cảm thấy thoải mái khi đi du lịch và đi ăn ngoài hàng, doanh thu thủy hải sản đông lạnh có thể giảm. Xuất khẩu thủy sản sang Hoa Kỳ quý I/2021 vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng khả quan do Việt Nam vẫn đang kiểm soát tốt dịch Covid -19 và không gây tác động tiêu cực đến sản xuất trong nước. Chính vì vậy, doanh nghiệp cần có những kế hoạch xuất khẩu cụ thể để chiếm lĩnh thêm thị phần ở quốc gia này.

8. Gỗ và các sản phẩm từ gỗ

Theo báo cáo chuyên sâu của Smith Leonard Furniture, nhu cầu đồ nội ngoại thất nhà ở của Hoa Kỳ sẽ tiếp tục tăng trong những tháng tới đây, tuy nhiên tốc độ tăng các đơn hàng mới sẽ chậm lại. Dự báo nhập khẩu gỗ và đồ gỗ từ Việt Nam có thể sẽ tiếp tục tăng trong những tháng tới.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 1/2020

STT	Sản phẩm	Tháng 1/2020 (USD)	Tháng 01/ 2021 (USD)	Tăng /giảm so T1/2020	Tăng /giảm so T12/2020	Tỷ trọng
1	Cà phê	24.755.607	14.709.003	-40,58%	17,41%	1,32%
2	Cao su	2.796.327	6.481.229	131,78%	-16,75%	0,58%
3	Chè	390.099	360.735	-7,53%	-42,14%	0,03%
4	Gạo	714.533	1.360.922	90,46%	-6,83%	0,12%
5	Gỗ và SP gỗ	431.531.356	823.828.809	90,91%	37,33%	73,87%
6	Rau quả	10.933.398	13.193.717	20,67%	7,57%	1,18%
7	Thủy sản	86.683.867	109.825.110	26,70%	-8,17%	9,85%
8	Hạt điều	53.557.052	65.184.864	21,71%	-21,52%	5,85%
9	Hạt tiêu	8.282.326	11.896.834	43,64%	26,51%	1,07%
10	Mây tre đan	15.016.695	27.833.784	85,35%	71,20%	2,50%
11	SP từ cao su	14.159.980	30.528.818	115,60%	58,41%	2,74%
12	TĂGS và nguyên liệu	5.029.738	9.967.552	98,17%	34,41%	0,89%
Tổng XK NLTS		653.850.978	1.115.171.377	70,55%	25,36%	100,00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 1/2021

TT	Loại sản phẩm	Tháng 01/2020		Tháng 01/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo thơm	611	440.120	1.412	1.125.879	131,0%	155,8%
2	Gạo trắng	334	150.945	346	206.371	3,6%	36,7%
3	Gạo Japonica	33	20.739	39	28.323	18,2%	36,6%
4	Các loại gạo khác	79	102.730	0	350	-99,9%	-99,7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hoa Kỳ tháng 1/2021

TT	Sản phẩm	Tháng 1/2020	Tháng 1/2021	So sánh
		(USD)	(USD)	T1.2021/T1.2020
	Tổng giá trị XK	10.933.398	13.193.717	20,7%
1	Thanh long	3.567.309	2.045.835	-42,7%
2	Dừa	514.099	1.087.161	111,5%
3	Xoài	861.632	641.288	-25,6%
4	Dứa	284.435	576.517	102,7%
5	Vú sữa	486.243	565.847	16,4%
6	Nấm các loại	508.804	450.001	-11,6%
7	Chanh	262.580	321.900	22,6%
8	Mít	55.512	253.662	357,0%
9	Chôm chôm	18.016	73.580	308,4%
10	Nhãn	835.470		-100,0%
11	Vải	7.383		-100,0%
12	Khác	4.392.782	7.251.505	65,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng cà phê sang Hoa Kỳ tháng 1/2021

STT	Loại sản phẩm	Tháng 01/2020	Tháng 01/2021	So sánh
		(USD)	(USD)	T12/2019 và T12/2020
1	Chưa rang, chưa khử caffein	21.983.195	11.413.476	-48,08%
2	Chưa rang, đã khử caffein	1.286.459	352.476	-72,60%
3	Đã rang, chưa khử caffein	58.283	397.719	582,39%
4	Đã rang, đã khử caffein	-	-	-
5	Chiết xuất, tinh chất và cô đặc	1.203.163	2.043.016	69,80%
6	Chế phẩm chiết xuất, tinh chất hoặc cô đặc	224.507	502.317	123,74%
	Tổng	24.755.607	14.709.003	-40,58%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang Hoa Kỳ tháng 1/2021

STT	Loại sản phẩm	Tháng 1/2020 (USD)	Tháng 1/2021 (Tr.USD)	So sánh 2021/20 (%)
1	Cá da trơn	18,1	29,09	60,70%
2	Cá ngừ	13,99	13,85	-1,00%
3	Cá rô phi	0,19	0,33	75,10%
4	Cua, gẹ	3,05	5,33	74,60%
5	Mực và bạch tuộc	1,37	1,06	7,80%
6	Tôm	24,26	26,15	7,80%
7	Thủy sản khác	25,72	34,02	35,30%

Nguồn: Tổng cục Hải quan